

Số: 87/2025/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 163/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ I, ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung tên:* Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 01/3/2019. Chị T và anh K thỏa thuận quyền nuôi con như sau:

+ Chị Trần Thị Kiều T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 01/3/2019, sau khi ly hôn.

+ Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên hòa giải Tòa án đã giải thích các Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị T và anh K không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Tòa án đã giải thích Điều 59 và Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị T và anh K không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Trần Thị Kiều T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị T nộp theo biên lai số 0011608, ngày 08 tháng 01 năm 2025 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Hoàn trả cho chị Trần Thị Kiều T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Ngọc Hùng Anh